

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03a /2019/HS-ST
Ngày 17-01-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH KON TUM

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hảo

Các Hội thẩm nhân dân: Ông A Nam Thị; Ông Phan Văn Đông;

-Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Đình Tú – Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Kon Tum.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Kon Tum tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Ngọc Oanh – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Kon Tum xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 35/2018/TLST – HS ngày 03-12-2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2019/QĐXXST-HS ngày 02-01-2019 đối với bị cáo:

A K; Tên gọi khác: A M; Sinh ngày 12/6/ 1994 tại xã Đ, huyện N, tỉnh Kon Tum. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn B, xã S, huyện N, tỉnh Kon Tum; Nơi ở: Thôn B, xã S, huyện N, tỉnh Kon Tum; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hóa: 06/12; Dân tộc: Xê Đăng; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên Chúa Giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông A Nh và bà Y B; Sống chung với Y L như vợ chồng, có 01 con chung sinh năm 2018; Anh chị em ruột có bảy người, bị cáo là con thứ tư trong gia đình; Tiền sự: Không; Tiền án: Không; Bị cáo được tại ngoại: Có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại: Anh A Kl; Sinh năm 1982; Trú tại: Thôn B, xã S, huyện N, tỉnh Kon Tum; Có mặt tại phiên tòa.

-Những người làm chứng: Anh A H; chị Bùi Thị Thi; Chị Nguyễn Thị Ngọc T;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong quá trình chung sống như vợ chồng với chị Y L ở thôn B, xã S thì A K và chị Y L có sảy ra xích mích cãi nhau nên A K bỏ nhà qua ở chung với anh trai của chị Y L là anh A Kl ở cùng thôn. Khi sống chung với gia đình anh A Kl thì K có đề ý thấy vợ chồng anh A Kl hay lấy tiền trong tủ gỗ để ở trong phòng ngủ để mua đồ ăn và chi tiêu. Ngày 30/8/2018 A K đi nhậu với bạn trong thôn về nhà anh Kl thì thấy nhà không có ai nên nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của nhà anh Kl. K mở chiếc tủ gỗ nhà anh Kl thì nhìn thấy có 01 ví da màu nâu của nữ trong tủ, mở chiếc ví da thấy có tiền, K lấy toàn bộ số tiền trên bỏ vào túi quần Jean đang mặc rồi đóng cánh cửa lại như ban đầu và nhẹ nhàng đi ra ngoài. K đi bộ đến nhà A H người cùng thôn nhờ H chở ra thị trấn P vào tiệm điện thoại di động Ngọc N mua 01 chiếc điện thoại di động hiệu OPP0, thẻ sim và cанд điện thoại với giá 3.760.000đ (*ba triệu bảy trăm sáu mươi nghìn đồng*). Tại đây K kiểm tra số tiền lấy được của nhà anh A Kl thì thấy có 6.000.000đ (Sáu triệu đồng), K trả tiền điện thoại rồi qua tiệm SHOP Đ mua 01 áo sơ mi và 01 quần jean với giá 640.000đ (sáu trăm bốn mươi nghìn đồng). Sau đó K rủ H đi chơi, ăn nhậu với bạn ở xã Đ và trở về ngủ tại nhà H. Đến sáng ngày 31/8/2018 thì Công an xã S mời lên làm việc theo đơn tố giác bị mất tài sản của anh A Kl. Tại đây K thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Đến ngày 07/9/2018 Công an xã S chuyển toàn bộ hồ sơ vụ việc đến cơ quan cảnh sát Công an huyện giải quyết theo thẩm quyền.

Tại bản cáo trạng số: 33/CT- VKS - HS ngày 30 tháng 11 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố A K về tội: “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên cáo trạng đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Không áp dụng tình tiết tăng nặng đối với bị cáo, cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ “thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”; “Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng”, “người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo” theo các điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017. Đề nghị xử phạt bị cáo từ 18 tháng đến 24 tháng cải tạo

không giam giữ theo Điều 36 của Bộ luật hình sự; không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo vì bị cáo là người dân tộc thiểu số, có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, đang nuôi con nhỏ. Về xử lý vật chứng: Đề nghị trả 01 chiếc điện thoại di động hiệu OPPO, 01 quần jean, 01 áo sơ mi và 15.000đ thu được từ bị cáo theo yêu cầu của người bị hại. Về án phí: Buộc bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước..

- Tại phiên tòa bị cáo A K thừa nhận hành vi phạm tội đúng như cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố.

- Người bị hại là anh A K1 trình bày: Bị cáo là người hiền lành, chịu khó, phạm tội nhất thời, xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Về trách nhiệm dân sự: Xin nhận lại chiếc điện thoại OPPO, quần áo bị cáo đã dùng tiền lấy của gia đình bị hại để mua và 15.000đ thu giữ từ bị cáo. Vì hoàn cảnh kinh tế bị cáo rất khó khăn nên không yêu cầu bồi thường số tiền còn thiếu.

- Những người làm chứng có lời khai tại hồ sơ: Anh A H khai chiều ngày 30/8/2018 có chở K đi mua điện thoại, quần áo, Kiên có mua đồ nhậu tại thôn Đ II, xã Đ. Anh A H hỏi K tiền ở đâu có, K trả lời làm bên Lào có được. Chị Nguyễn Thị Ngọc T khai chiều ngày 30/8/2018 có bán 01 điện thoại OPPO cho nam thanh niên người địa phương giá 3.690.000đ và 02 cand điện thoại giá 70.000đ, tổng cộng 3.760.000đ. Chị Bùi Thị Th khai chiều ngày 30/8/2018 có bán cho một nam thanh niên người địa phương 01 áo sơ mi màu đen và 01 quần jean màu đen, tổng số tiền 640.000đ.

-Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo ăn năn hối cải về hành vi phạm tội đã gây ra, xin lỗi anh A K1, xin Hội đồng xét xử xem xét đến sự nông nổi nhất thời phạm tội của bị cáo, xin được giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo cam kết từ nay về sau không bao giờ phạm tội nữa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án. Căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]Về hành vi quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật

tổ tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện được đánh giá là hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: A K thừa nhận vào khoảng 15 giờ chiều ngày 30/8/2018, lợi dụng nhà anh A Kl không có ai ở nhà, bị cáo sinh sống tại nhà anh A Kl nên biết chỗ gia đình hay để tiền. Bị cáo đã lẻn vào phòng ngủ cạy tủ lấy số tiền 6.000.000đ (Sáu triệu đồng). Như vậy bị cáo đã có hành vi lẻn lút chiếm đoạt tài sản của người khác là xâm phạm đến quyền sở hữu đối với tài sản. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thể hiện lỗi cố ý phạm tội, đủ yếu tố cấu thành tội phạm được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, có mức khung hình phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm. Chính vì vậy bị cáo bị viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Kon Tum truy tố về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là đúng người, đúng tội.

[3] Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ: Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng. Về tình tiết giảm nhẹ: Trong suốt quá trình tham gia tố tụng từ điều tra – truy tố – xét xử, bị cáo thể hiện “thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”; bị cáo “phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng”, được “người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt”. Cần cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo các điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[4] Về áp dụng hình phạt: Trước khi phạm tội bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, phạm tội nhất thời, không bị áp dụng tình tiết tăng nặng, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ nên không cần phải áp dụng hình phạt cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà vẫn đảm bảo được việc giáo dục cải tạo bị cáo. Khi áp dụng hình phạt cải tạo không khấu trừ thu nhập hàng tháng đối với bị cáo, vì gia đình bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, thu nhập không ổn định.

[5] Về xử lý vật chứng: Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự xử lý như sau: Trả 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, 01 quần jean, 01 áo sơ mi và 15.000đ cho người bị hại theo yêu cầu của người bị hại được nhận thay giá trị tiền mà bị cáo lấy.

[6]Về dân sự: Người bị hại thấy bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên không yêu cầu bồi thường số tiền còn thiếu nữa. Vì vậy Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[7]Về án phí: Buộc bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm, để nộp ngân sách nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 173, các điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 36 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Căn cứ khoản 1 điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 quy định về xử lý vật chứng;

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 và danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 về quyền kháng cáo;

Xử:

1. Tuyên bố bị cáo A K phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”;

Xử phạt A K 12 tháng cải tạo không giam giữ, thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định Thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo A K cho Ủy ban nhân dân xã S, huyện N, tỉnh Kon Tum cùng gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Không khấu trừ thu nhập hàng tháng đối với bị cáo.

Người bị kết án cải tạo không giam giữ phải thực hiện những nghĩa vụ quy định tại Luật Thi hành án hình sự.

2. Về xử lý vật chứng: Trả 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, 01 quần jean, 01 áo sơ mi và 15.000đ (*mười lăm nghìn đồng*) cho anh A K1 theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 03 /12 /2018 giữa cơ quan Công an huyện N với Chi cục thi hành án dân sự huyện N.

3. Về án phí: Buộc A K phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm, để nộp ngân sách Nhà nước.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (17-01-2019).

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người bị hại;
- VKSND huyện;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hảo